

MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA HÀN QUỐC THÔNG QUA HÌNH TƯỢNG CON VẬT TRONG THÀNH NGỮ - TỤC NGỮ

SOME CULTURAL CHARACTERISTICS THROUGH ANIMALS IMAGES IN IDIOMS - PROVERBS

Phạm Thị Bích Hằng^{1*}, Nguyễn Nhật Hạ Vi¹, Nguyễn Thị Diễm Kiều¹

¹Khoa Đông phương học, Trường Đại học Lạc Hồng, Đồng Nai, Việt Nam

*Corresponding: hangptb@lhu.edu.vn

TÓM TẮT: Bài viết này kết hợp các phương pháp liệt kê, phân tích, so sánh, đối chiếu các con vật được miêu tả trong tục ngữ Hàn Quốc nhằm đưa ra một đặc điểm văn hóa Hàn Quốc. Tác giả làm rõ quan điểm của người Hàn trong việc sử dụng hình ảnh con vật trong câu tục ngữ thông qua quá trình phân tích nguồn gốc tộc người, làm rõ điều kiện tự nhiên, nơi cư trú ảnh hưởng đến ý thức, cách tư duy của người Hàn. Các trị biểu trưng của câu tục ngữ tiếng Hàn có yếu tố liên quan đến một số con vật thể hiện ở việc đề cao những giá trị giáo dục, những bài học mang tính chất giáo huấn đồng thời đúc kết kinh nghiệm quý báu cho con cháu đời sau. Giá trị phê phán cái ác, mặt tiêu cực, châm biếm thói hư tật xấu, trái với luân thường đạo lý... cũng được thể hiện rõ nét và mang đậm văn hoá Hàn Quốc.

TỪ KHOÁ: Tục ngữ tiếng Hàn, văn hóa Hàn Quốc, đặc điểm văn hóa

ABSTRACT: This article combines the methods of listing, analyzing, comparing and contrasting the animals described in Korean proverbs to bring out a characteristic of Korean culture. The author clarifies the views of Koreans in using the image of animals in proverbs through the process of analyzing ethnic origins, clarifying natural conditions and places of residence that affect consciousness and thinking. Korean only. The symbolic values of Korean proverbs with elements related to some animals are expressed in the promotion of educational values, teaching lessons, and valuable experiences for children. future grandchildren. The value of criticizing evil, the negative side, sarcasm of bad habits, contrary to morality, etc. are also clearly expressed and imbued with Korean culture.

KEYWORDS: Korean proverbs, Korean Culture, Cultural features.

GIỚI THIỆU

Khi Hàn Quốc trở thành một trong bốn con rồng Châu Á nhờ sự phát triển vượt bậc về kinh tế thì văn hóa Hàn Quốc đã được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm và ngày càng có sức lan tỏa đến một số nước trong khu vực, điển hình là Việt Nam. Do đó, có nhiều chuyên gia đang tìm tòi nghiên cứu về phong tục, tập quán, về những câu chuyện cổ tích hay tục ngữ, thành ngữ của Hàn Quốc, bởi vì văn hóa vốn dĩ bao gồm rất nhiều lĩnh vực, được cấu thành từ nhiều yếu tố trong đó có văn học dân gian. Nói đến văn học dân gian thì quốc gia nào cũng có, nó được sinh ra từ những cuộc sống sinh hoạt thường ngày của người lao động, là đúc kết những kinh nghiệm sống hay những câu chuyện răn nhảm tạo nên thang đo chuẩn mực cho một cộng đồng, đó có thể là những câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao, những câu chuyện thần thoại, cổ tích ...

Người Hàn Quốc xây dựng thành ngữ, tục ngữ thể hiện tính cách con người được biểu trưng bằng hình ảnh của một số con vật, đó là kết tinh của trí tuệ sáng tạo mang đậm bản sắc dân tộc. Hiện đã có một số công trình nghiên cứu bằng tiếng Hàn về tục ngữ có sử dụng hình tượng con vật mà tác giả đọc được như luận văn thạc sĩ “Nghiên cứu so sánh tục ngữ giữa Hàn Quốc và Mông Cổ thông qua tục ngữ liên quan đến con ngựa” của Th.s Babbachereng Biddolga, “So sánh ngôn ngữ và văn hóa của tục ngữ động vật Hàn Quốc và văn hóa Anh và Mỹ” của John Mar D. Minguillan. Liên quan đến mảng đề tài này thì phải kể đến “Nghiên cứu so sánh tục ngữ có từ chỉ động vật của Hàn Quốc và Trung Quốc - trọng tâm là những tục ngữ liên quan đến con “chó” của Choi Sang Jin (2010). Liên quan đến mảng đề tài này,

trước đó có nhiều công trình cũng như đề tài nghiên cứu về sự khác biệt hoặc các biểu hiện của tục ngữ, thành ngữ Hàn; so sánh hay đối chiếu văn hóa Hàn Quốc và Việt Nam để làm rõ nội dung đề tài, hay thực trạng sử dụng tục ngữ

thành ngữ; các giá trị truyền tải tính cách người Hàn theo từng con vật. So với các bài nghiên cứu mà các tác giả khác đã từng nghiên cứu thì bài viết này giúp độc giả có cái nhìn tổng quan về văn hóa Hàn Quốc thông qua quá trình phân tích nguồn gốc tộc người, điều kiện tự nhiên, nơi cư trú ảnh hưởng đến ý thức, cách tư duy của người Hàn và điều này được thể hiện rõ nét trong các câu tục ngữ, thành ngữ Hàn Quốc có sử dụng hình ảnh con vật. Trong quá trình làm rõ các luận điểm, tác giả có sử dụng thêm một số câu tục ngữ Việt Nam để đối chiếu nhằm làm bật lên một số đặc điểm văn hóa của người Hàn.

1. KHÁI QUÁT VỀ THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ

Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn hoàn chỉnh, có ý nghĩa hàm súc giàu vần điệu, hình ảnh, do nhân dân lao động sáng tạo ra và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Tục ngữ diễn đạt trọn vẹn một ý mang nội dung nhận xét quan hệ xã hội, truyền đạt kinh nghiệm sống, cho bài học luân lý hay phê phán sự việc. Nó thể hiện kinh nghiệm của cha ông ta đúc kết từ mọi mặt tự nhiên, lao động sản xuất, xã hội và được nhân dân vận dụng vào đời sống, từ suy nghĩ, lời ăn tiếng nói.

Received: 20, 06, 2022

Accepted: 20, 10, 2022

*Corresponding: Phạm Thị Bích Hằng

Email: hangptb@lhu.edu.vn

Do đó một câu tục ngữ có thể được coi là một tác phẩm văn học hoàn chỉnh vì nó mang trong mình cả ba chức năng cơ bản của văn học là chức năng nhận thức, chức năng thẩm mỹ và chức năng giáo dục.[1]

“Thành ngữ là một cụm từ có cấu tạo cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh”. Thành ngữ thường biểu thị một số ý nghĩa hoàn chỉnh, bóng bẩy về nội dung ý nghĩa, được sử dụng khá rộng rãi trong giao tiếp hằng ngày. Thành ngữ là kho tàng quý giá của dân tộc, tích lũy những kinh nghiệm sống, phản ánh những quan niệm về thế giới tự nhiên, về các quan niệm xã hội, những giá trị tinh thần, đạo đức, nhân sinh quan của nhân dân. “Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa ẩn dụ, so sánh”. [2]

Thành ngữ tục ngữ là các đối tượng nghiên cứu khoa học, cả hai đều được sử dụng khá phong phú và đa dạng trong đời sống hằng ngày của nhân dân. Khái niệm về thành ngữ và tục ngữ là những khái niệm có nhiều điểm tương đồng và khác biệt nhưng việc phân biệt chúng một cách rạch ròi là điều không hề dễ dàng,

Xét về cấu tạo, thành ngữ là một cụm từ cố định, giữa các thành tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nó là một bộ phận của câu. Ví dụ: trong tiếng Việt có cụm từ “Như chó với mèo” là thành ngữ thì trong tiếng Hàn cấu tạo thành ngữ cũng giống như vậy “개 고양이 보듯” (tạm dịch: Như chó nhìn mèo) được dùng để chỉ những mối quan hệ rất xấu, luôn nhìn chằm chằm nhau để gây hại cho nhau.

Trong khi đó, tục ngữ có cấu tạo có thể là một câu đơn hoặc câu ghép, thể hiện trọn vẹn một nhận định, phán đoán. Mối quan hệ giữa các thành tố tạo thành một câu tục ngữ là quan hệ tự do và có cú pháp. Đa số tục ngữ đều có vần: vần liền hoặc vần cách, dựa trên yếu tố vần để ngắt nhịp tạo nên sự hài hòa, cân đối. Ví dụ: Tục ngữ trong tiếng Hàn có câu “닭 소 보듯, 소 닭 보듯” (tạm dịch: Như thể gà ngó bò, như thể bó ngó gà = ý muốn nói về sự thờ ơ, lãnh đạm đối với nhau), hay trong tiếng Việt có câu “Đói cho sạch, rách cho thơm” đều được xem là tục ngữ.

Xét về nghệ thuật, thành ngữ thường thể hiện những hình ảnh sinh động, biểu cảm, giàu tính hình tượng bằng nghệ thuật tu từ, ẩn dụ, hoán dụ. Nghĩa của thành ngữ là mang tính biểu trưng, khái quát, cô đọng và hình ảnh bóng bẩy. Do đó, phương thức diễn đạt tạo cho thành ngữ những ẩn tượng mạnh mẽ đối với người nghe cũng như người đọc. Ví dụ: Thành ngữ trong tiếng Việt: “Trứng khôn hơn vịt” (dùng phương thức hoán dụ), “Thùng rỗng kêu to” (ẩn dụ), Còn trong tiếng Hàn như: 호랑이를 그리려다가 고양이를 그린다 (Tạm dịch: “Vẽ hổ thành mèo” - ẩn dụ = gần giống với câu: “Đầu voi đuôi chuột” trong thành ngữ Việt Nam).

Tục ngữ là những câu nói có vần điệu có thể là vần liền hoặc vần cách, cân đối, dễ nhớ, phản ánh những bài học, kinh nghiệm sống, nhận định mối quan hệ giữ người với người với nhau, quan hệ giữa người với tự nhiên và xã hội. Ví dụ: Trong tiếng Việt có câu “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”; hay trong tiếng Hàn

“암전한 고양이 부뚜막에 먼저 올라간다” (tạm dịch: Mèo ngoan leo lên mặt bếp).

Bảng 1. So sánh thành ngữ và tục ngữ

TIÊU CHÍ	THÀNH NGỮ	TỤC NGỮ
Cấu tạo	Một tập hợp từ	Một câu đơn hay câu ghép
Nghệ thuật	Ẩn dụ, so sánh	Có vần, có điệu, dễ nhớ
Ngữ nghĩa	Mang tính biểu trưng, khái quát, hình ảnh bóng bẩy.	Hàm súc, diễn đạt một ý nghĩa trọn vẹn
Chức năng	Sử dụng trong giao tiếp để lời nói giàu hình ảnh và cảm xúc.	Mang đầy đủ 3 chức năng của văn học: Nhận thức, thẩm mỹ, giáo dục

2. HÌNH ẢNH CON VẬT TRONG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI HÀN QUỐC

Trong văn hóa phương Đông, động vật, thiên nhiên, cây, cỏ là những đối tượng rất gần gũi với cuộc sống thường ngày. Tuy nhiên, việc sử dụng những hình ảnh có trong tự nhiên để xây dựng thành ngữ, tục ngữ ở từng quốc gia cũng không giống nhau. Riêng về việc sử dụng hình ảnh con vật trong tục ngữ, thành ngữ thì chúng ta có thể bắt gặp các hình tượng của chúng trong dòng văn học dân gian phương Đông nói chung cũng như ở văn học dân gian Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, mức độ sử dụng cũng đậm nhạt khác nhau nơi từng quốc gia.

Chẳng hạn trong văn hóa của người Việt mang đậm dấu ấn nông nghiệp, một loại hình kinh tế phù hợp với môi trường có khí hậu nhiệt đới gió mùa, có đồng bằng rộng lớn, nơi mà cư dân lựa chọn sống chủ yếu ở đồng bằng, ven sông, ven biển... Chính lối sống ven sông ven biển, phụ thuộc vào tự nhiên mà họ hình thành nên đời sống định canh, định cư, họ thích tụ tập thành những tập thể người có cùng cách thức sinh sống. Cũng vì thế mà người Việt đề cao tính cộng đồng, ít cạnh tranh, nghiêng về tính dân chủ, tôn trọng nhau, chấp nhận nhau và nhường nhịn nhau. Lối sống nông nghiệp khiến người Việt thấy gần gũi với cây cỏ hơn động vật. Cho nên, chất liệu cho văn học dân gian thường gắn với những loại cây lương thực hay rau cỏ thường gặp trong đời sống như: “Cây lúa ruộng lạ, gieo mạ ruộng quen”; “Đất thiếu trồng dưa, đất thừa trồng cau”, còn hình ảnh động vật nếu có được sử dụng cũng xoay quanh những loại con vật gần gũi với cư dân như: “Tôm đi chàng vạng, cá đi rạng đông”; “Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng”.

Trong khi đó, người Hàn Quốc có nguồn gốc tộc người là cư dân di cư từ bắc Siberia nên thiên về lối sống du mục, họ coi trọng sức mạnh, có tính cách cứng rắn, ít mềm mỏng, thiên về cá nhân hơn cộng đồng... Với 2/3 diện tích là đồi núi, nên đất đai dành cho nông nghiệp không nhiều, lại manh mún không thể tạo nên những cánh đồng rộng lớn. [3] Vì vậy, Hàn Quốc rất khó phát triển kinh tế nông nghiệp mặc dù có sông ngòi và khí hậu thuận lợi. Với đặc điểm về điều kiện tự nhiên và nguồn gốc tộc người cũng như loại

hình kinh tế gốc du mục của người Hàn Quốc có thể giải thích phần nào lý do nhiều hình tượng con vật được sử dụng nhiều trong tục ngữ, thành ngữ.

Người Việt từ xa xưa đã hình thành được nền văn minh lúa nước, biết dùng sức kéo trâu bò từ thời đồ đồng, tiếp xúc thường xuyên với những con vật như: cóc, rắn, cá, rùa... nên họ xem chúng như là con vật linh thiêng, được tạc tượng, vẽ tranh cùng với các vị thần thờ cúng trong các đình, đền. Song hành với sự phát triển nông nghiệp lúa nước, các vấn đề về thiên tai dịch bệnh liên quan đến cây nông nghiệp cũng càng nhiều. Vì thế, chúng được xem như những linh vật hộ mệnh xua đuổi những điều xấu trong làng, thúc đẩy sản xuất, được người dân thờ cúng trong đình làng với mong muốn chế ngự thiên nhiên, cầu mong một mùa vụ mới được bội thu, cầu mong sự may mắn, hạnh phúc. Người Hàn cũng vậy, nguồn gốc cư dân du mục cũng như sự thay đổi loại hình kinh tế sang nông nghiệp sau này, khiến cho người Hàn đem những hình ảnh động vật hoang dã cũng như những loại động vật gắn với nông nghiệp khắc sâu vào tiềm thức. Điều đó thể hiện qua truyền thuyết Dangun Wanggeom (Đàn Quân Vương Kiệm) của người Hàn Quốc. Người Hàn sử dụng hình ảnh hổ và gấu là hai con vật có sức mạnh lớn nhất quyền uy nhất trong các con vật ngự trị ở vùng núi, hai loài này còn mang đặc trưng hung dữ, tàn bạo, liêu lĩnh, dám đối địch với muôn loài.

Tuy nhiên, người Hàn xem hổ là thần thú còn gấu là tổ tiên của mình. Người ta nói rằng trong thần thoại Dangun, hổ là biểu tượng của văn hóa săn bắt. Khi xã hội Hàn Quốc dựa vào săn bắt, hái lượm và dần đi đến loại hình kinh tế nông nghiệp, hổ vẫn được xem là linh vật mang lại nhiều tài lộc. Với người Hàn, kinh nghiệm, kỹ thuật và sự từng trải là một trong những yếu tố đem lại hiệu quả cao trong hoạt động săn bắt thú rừng. Để quyết định sự thành công trong các cuộc đi săn, người dân luôn kết hợp nó với một dạng tri thức khác tồn tại dưới hình thức tín ngưỡng. Đó là yếu tố chi phối rất lớn đến hoạt động săn bắt, họ quan niệm, thần (신) là đáng siêu nhiên luôn theo dõi họ. Do vậy, trong hoạt động săn bắt thú rừng, những nỗ lực cá nhân của con người chỉ là yếu tố nhỏ, quyết định săn được hay không là ý muốn của các vị thần ngự trị. Xuất phát từ niềm tin và tín ngưỡng ấy, trước mùa săn bắt, người Hàn làm lễ cúng thần rừng, thần thú - thần quản lý toàn bộ đất đai, cây cối, muông thú và cả con người trong một khu vực. Lễ cúng thần rừng với mục đích cầu mong thần đem đến cho cộng đồng một mùa săn bắt đạt kết quả tốt, phù hộ người đi săn tránh khỏi mọi tai nạn, không bị thương tật do thú tấn công, thoát khỏi sự dẫn lối của ma quỷ... Sau khi săn được thú rừng, người dân cũng sẽ làm lễ tạ ơn thần linh.

Các loài động vật xuất hiện trong tục ngữ, thành ngữ đã thể hiện tư duy, lối sống, ứng xử của một dân tộc, là hình ảnh biểu trưng cho các hình thái, tính cách của con người. Người Hàn từ xưa đã mượn hình ảnh con vật như một đối tượng để so sánh, quan sát từ đó chuyển tải những thông điệp trong đời sống.

Theo khảo sát của tác giả, số lượng tục ngữ, thành ngữ có đề cập đến con vật theo trang web của Viện Quốc ngữ

quốc gia “국립국어원” [4] chiếm tỉ trọng tương đối lớn, có khoảng 2.111 câu tục ngữ, thành ngữ. Với khối lượng khổng lồ thành ngữ, tục ngữ ấy, tác giả không thể phân tích hết từng thành ngữ, tục ngữ đó mà sẽ chỉ đề cập đến những thành ngữ, tục ngữ dùng hình ảnh một số con vật để chuyển tải những giá trị trong văn hóa Hàn.

3. MỘT SỐ GIÁ TRỊ VĂN HÓA HÀN ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA HÌNH TƯỢNG CON VẬT TRONG THÀNH NGỮ, TỤC NGỮ

Theo Bùi Hoài Sơn: “Giá trị văn hóa là một hình thái của đời sống tinh thần, được phản ánh và kết tinh đời sống văn hóa của con người, giúp điều tiết hành vi và định hướng sự phát triển tới chân - thiện - mỹ, góp phần tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của các quốc gia - dân tộc trên thế giới.” [5] Theo đó, những thành ngữ và tục ngữ Hàn quốc cũng mang những giá trị văn hóa nhất định.

3.1 Giá trị giáo dục

Hàn Quốc là đất nước coi trọng giáo dục, họ xác định rất rõ ràng đất nước chỉ có thể phát triển bằng con đường giáo dục: giáo dục nhân tâm, giáo dục tính cách, giáo dục tư duy để phát huy sáng tạo. Chẳng vậy mà ngay cả các tôn giáo nếu muốn tìm cho mình một chỗ đứng trên vùng đất này đều phải tham gia vào sự nghiệp giáo dục của bán đảo Triều Tiên nói chung cũng như của Hàn Quốc nói riêng. Điển hình như Phật giáo, khi du nhập vào Triều Tiên, tôn giáo này không chỉ là một nơi chốn bình yên để vỗ về tâm hồn người Hàn mà Phật giáo còn đóng vai trò không nhỏ trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Câu chuyện về “Bà tổ gấu” nhằm lý giải sự hình thành cộng đồng người trên bán đảo Triều Tiên (Ý nghĩa giống như câu chuyện Lạc Long Quân – Âu Cơ của người Việt) là do một nhà sư viết vào thế kỷ XV, hay những bài ca niệm tụng trong nghi lễ của tín ngưỡng Saman - một tín ngưỡng dân gian truyền thống của người Hàn cũng được các nhà sư sử dụng loại ngôn ngữ Hương Ca để sáng tác. Thậm chí trong thời kỳ Nhật chiếm đóng, người Nhật đã từng bắt người Triều Tiên không được sử dụng chữ viết Korea, không được hát quốc ca bằng tiếng Korea, không được xuất bản hay đọc sách báo tiếng Koarea mà tất cả được thay thế bằng tiếng Nhật nhằm triệt tiêu tinh thần dân tộc của người Triều Tiên. Sau thời này, chính những chùa chiền Phật giáo đã mở trường giảng dạy tiếng Hàn.

Tục ngữ, thành ngữ Hàn Quốc cũng đã dùng hình ảnh con vật để thể hiện giá trị giáo dục con người. Hổ là một con vật tuy hung dữ nhưng dũng mãnh, tuy có làm người ta sợ hãi nhưng lại vô cùng gần gũi với người Hàn Quốc, bởi nơi xuất thân của nó là vùng rừng núi vốn dĩ chiếm 70% diện tích đất đai của cả quốc gia. Vì thế, Hổ từ lâu được đưa vào tục ngữ, thành ngữ nhằm giáo dục tính cách con người. Người Hàn có câu: “호랑이에게 물려 가도 정신만 차리면 산다” (Tạm dịch: Dù bị hổ cắn mà giữ được tinh tảo thì vẫn sống sót). Câu này muốn khuyên răn bản thân phải biết giữ bình tĩnh trước mọi tình huống, cho dù đó là tình huống khó khăn, cấp bách, nguy hiểm tới mức như đối diện với cái chết cũng phải hết sức tỉnh táo thì sẽ tìm được

đường sống trong chỗ chết. Nếu như người Hàn trong tục ngữ trên khuyên răn phải giữ bình tĩnh khi đối diện với nguy hiểm thì trong tục ngữ Việt là dùng hổ để khuyên răn người ta phải khôn ngoan tránh né nguy hiểm “Chớ thấy hùm ngù vuốt râu, đến khi hùm dẫy đầu lâu chẳng còn.”

Tuy nhiên, làm người cũng không nên ức hiếp người yếu đuối, đừng chèn ép đối phương đến đường cùng. Bởi vì, cho dù bạn mạnh mẽ đến đâu nếu không tôn trọng đối phương, khinh khi đối phương yếu thế hơn mình thì có lúc cũng sẽ nhận hậu quả khôn lường vì sự coi thường và thích chèn ép người khác. Người Hàn có câu rất hay: “막다른 골목에 든 강아지 호랑이를 본다” (Tạm dịch: Con chó đang ở ngõ cụt sẽ cắn con hổ). Điểm này cũng giống với quan niệm của người Việt “Chim cùng thì mổ, hổ cùng thì vồ”, dù là ai thì cũng cần được tôn trọng, cần được đối xử bình đẳng. Người yếu thế sẽ vùng lên tự bảo vệ mình nếu bị dồn đến chân tường.

Trong quan niệm của người Hàn, con hổ còn đại diện cho thế lực hiểm ác đang rình rập xung quanh cuộc sống con người, là thế lực ẩn núp trong bóng tối có thể hãm hại những người xâm nhập vào địa bàn của nó. Do đó, người Hàn còn dùng hình ảnh con hổ ở phương diện này để giáo dục phẩm tính khôn ngoan biết nhận diện tình huống khi xử lý những khó khăn, biết cân nhắc toàn diện, nhiều chiều từng loại khó khăn trước khi giải quyết nó, vì không phải khó khăn nào cũng có thể tìm cách giải quyết được, cho dù đó là những khó khăn cấp thiết. Tục ngữ Hàn có câu: “깊은 산에서 목마르다고 하면 호랑이를 본다” (Tạm dịch: Nếu khát nước trong núi sâu thì sẽ gặp hổ). Ý muốn nói dù bạn có khát đến đâu cũng cần cân nhắc đi vào núi sâu tìm nước vì đó là nơi bạn có nguy cơ gặp dã thú, khó toàn mạng để trở ra. Vì thế, bạn cần lượng sức mình trước khi mạo hiểm. Người có đức tính không ngại khó, không ngại khổ là tốt vì họ làm việc hết sức mình cố gắng vượt qua mọi khó khăn thử thách, nhưng nếu như chỉ chăm chăm tìm cách vượt khó mà không đủ khôn ngoan nhận diện vấn đề thì chẳng những không giải quyết được khó khăn mà có thể mất nhiều hơn được. Vì thế, cấp thiết không có nghĩa là phải hấp tấp.

Hấp tấp, vội vàng khi làm việc là điều mà người Hàn không thích nhất. Nó thể hiện một con người không đáng tin, làm việc không chắc chắn và dễ để lộ sơ hở. Người Hàn thường nói: “호랑이가 굶으면 환관도 먹는다” (Tạm dịch: Nếu hổ đói thì ăn luôn thái giám). Theo nghĩa bóng: “Khi tình thế trở nên khẩn cấp thì không thể che giấu được gì”. Vì vậy, cho dù bạn giỏi giang đến đâu mà làm việc thiếu cân nhắc sẽ bộc lộ, phơi bày mọi điểm yếu và đối thủ sẽ dễ dàng nắm lấy nó để phản kích lại, điều đó dẫn đến nguy cơ thất bại rất cao.

Người Hàn rất tiết kiệm, chính xác hơn là rất tỉ mỉ, tỉ mỉ hơn cả người Việt. Trong một ngôi nhà, phòng ở của người Hàn thường mang nhiều chức năng: có thể để ngủ vào buổi tối, cũng là không gian học hành và làm việc ban ngày. Do đó, đồ đạc trong phòng rất gọn gàng, không thừa không thiếu. Tuy nhiên, thông qua tục ngữ, thành ngữ ta

nhận thấy người Hàn cũng giáo dục con cháu cách thức tiết kiệm đúng đắn, chẳng hạn như: “술 담배 참아 소 샀더니 호랑이가 물어 갔다” (Tạm dịch: Nếu nhịn rượu, nhịn thuốc lá để mua bò thì hổ sẽ đến tha đi). Câu tục ngữ trên hàm nghĩa tiết kiệm là tốt, nhưng tiết kiệm đến mức không dám tiêu xài cho những nhu cầu chính đáng, tiết kiệm xong lại khoe ra khối tài sản tiết kiệm được (mua bò), thì chẳng những không lưu giữ được những tài sản ấy mà có thể còn bị mất vào tay thế lực lớn hơn hoặc làm trộm cướp để ý. Người Việt cũng có một câu tục ngữ với nghĩa tương tự: “Ky cốp cho cốp nó tha”.

Hình ảnh con hổ còn được người Hàn dùng giáo huấn, khuyên ngăn người ta sống hướng thiện, tránh làm điều ác, nếu làm những việc ác độc thường xuyên thì nhất định có lúc sẽ bị trừng phạt thích đáng. “호랑이도 사람 셋을 잡아먹으면 귀가 썩는다” (Tạm dịch: Nếu con hổ ăn thịt ba người thì lỗ tai bị cắt bỏ). Điểm này khá giống với quan niệm của người Việt. Người Việt thường nói: “Đi đêm nhiều có ngày gặp ma”, nếu làm điều xấu thường xuyên thì dù có giấu giếm tốt đến đâu cũng sẽ có lúc bị trừng trị.

Khi bước vào giai đoạn đồ sắt, cư dân trên bán đảo Triều Tiên chọn nông nghiệp làm loại hình kinh tế chính dù điều kiện đất đai không phù hợp với phát triển nông nghiệp như: nhiều đồi núi, đất trồng trọt manh mún... nhưng thiên nhiên lại ưu đãi cho họ khí hậu bốn mùa ôn hòa, mưa nhiều và nhiều sông suối thuận lợi phát triển cây trồng. Vì thế, bò là con vật khá gần gũi với đời sống của họ. Cho nên, hình ảnh con bò cũng được người Hàn mượn dùng để xây dựng thành ngữ, tục ngữ mang tính giáo dục. Tục ngữ Hàn có câu: “먹은 소가 똥을 누지” (Tạm dịch: Bò có ăn thì mới có phân). Ý muốn nói, bạn có làm việc, có đầu tư thì mới nhận được thành quả. Nếu bạn không cần cù, chịu khó làm việc, không cho “bò ăn cỏ” thì sẽ chẳng thu được gì cả.

Mèo cũng là một vật nuôi gần gũi với đời sống người Hàn, chẳng vậy mà mèo được dùng trong thành ngữ, tục ngữ để chuyển tải ý muốn răn đe. Người Hàn thường nói: “고양이보고 반찬가게 지키라는 격이다” (Tạm dịch: Bảo mèo canh cửa hàng đồ ăn). Ý muốn nói trong cuộc sống, bạn đừng quá tin tưởng vào một ai đó cho dù họ có là bạn bè rất thân thiết. Nếu không cân nhắc cẩn thận trước khi quyết định giao phó những giá trị vật chất và tinh thần của bản thân cho một người thì có lúc bạn sẽ hối hận về điều đó. Người Việt cũng có những quan niệm tương đồng với người Hàn khi nói: “Giao trứng cho ác” hay “Đừng nhìn mặt mà bắt hình dong”. Người Việt còn nói cụ thể hơn: “Chọn mặt gửi vàng”, nghĩa là những gì quan trọng không được tùy tiện nhờ người khác giữ hộ mà phải chọn lựa cẩn thận.

Trong tục ngữ Hàn Quốc, chuột biểu trưng cho tính tỉ mỉ, nhẫn nại và kiên trì, chuột dù nhỏ bé nhưng vẫn có khả năng làm việc được. Vì thế, không nên coi thường những vật nhỏ bé. Phương tiện để chuột đi lại được người Hàn sử dụng trong tục ngữ nhằm nhắc nhở người ta cách thức làm việc hiệu quả. chẳng hạn như: “쥐도 도망갈 구멍이 있어야 산다” (Tạm dịch: Chuột cần có lỗ để chạy mới sống được). Nghĩa là, trong mọi việc người ta cần phải lên kế

hoạch cụ thể, rõ ràng, cách chi tiết càng tốt; khi triển khai kế hoạch cũng cần phải tính toán tỉ mỉ đường tiến, đường lùi cho mình, giống như hình ảnh “lỗ chuột” để thoát hiểm trong bất kỳ tình huống nào.

Cũng vì chuột là biểu tượng cho sự nhẫn nại, kiên trì và nỗ lực nên người Hàn mới có câu: “쥐가 하룻밤에 소금 한 섬을 나른다” (Tạm dịch: Con chuột tha hết một đảo muối trong đêm). Câu tục ngữ trên muốn nói: dù nhỏ bé như chuột nhưng nếu cần mẫn, chăm chỉ, không ngại khó thì có thể mang đi cả hòn đảo muối chỉ trong một đêm. Người Việt cũng đồng quan điểm khi nói: “Kiến tha lâu đầy tổ”.

Hay là: “쥐도 한 모를 굶으면 끝장 본다” (Tạm dịch: Con chuột gom từng hạt lúa thì cũng sẽ xong). Năng lực cá nhân là đặc điểm được đề cao trong văn hóa Hàn Quốc. Họ rất coi trọng thể diện mà một trong những yếu tố tạo nên tính thể diện của người Hàn là năng lực cá nhân. Năng lực cá nhân được đánh giá thông qua quá trình so sánh giữa những cá nhân có cùng điều kiện làm việc, cùng vị trí công việc, cũng như cùng trình độ nhưng ai đạt được thành quả tốt hơn thì được đánh giá có năng lực cao hơn. Cho nên, người Hàn quan tâm đến kết quả của công việc hơn là quá trình làm việc. Vì thế, trong công việc, sự nỗ lực cá nhân luôn được đề cao. Sự nỗ lực ấy không chỉ dùng năng lực và trình độ để định lượng mà còn được định tính bằng sự bền bỉ và nội lực bên trong. Tục ngữ Việt Nam ta cũng đồng quan điểm: “*có công mài sắt có ngày nên kim*”, nghĩa là thành công chỉ đến với người biết kiên nhẫn và bền bỉ. Tuy nhiên, văn hóa Việt lại coi trọng tính cộng đồng hơn cá nhân. Vì vậy, năng lực cá nhân thường không được đề cao và đánh giá chuẩn xác. Đó chính là điểm khác biệt trong văn hóa Việt và văn hóa Hàn.

Theo quan niệm của người Hàn, chuột còn mang biểu tượng của niềm hy vọng, là tín hiệu của lối thoát hiểm, là cơ hội dẫn đến thành công, Tục ngữ Hàn có câu: “쥐도 한뫼 보면 락이 있다” (Tạm dịch: Chuột cũng nhìn thấy lối thì mình cũng có cách giải quyết). Nếu bạn đang ở trong căn phòng không lối thoát mà nhìn thấy con chuột, bạn hãy nhìn theo nó thì sẽ nhận biết được lối ra. Từ nghĩa đen ấy mà người Hàn tin tưởng rằng khi gặp khó khăn tốt cùng cũng đừng từ bỏ vì biết đâu kỳ tích sẽ xuất hiện, giúp bạn thoát hiểm trong gang tấc. Và nếu bạn dồn tâm huyết vào một con đường thì có lúc sẽ thành công. Câu tục ngữ thể hiện tính cách mạnh mẽ của người Hàn Quốc, không dễ ngã lòng, không hay than vãn, cũng không dễ nhụt chí, vì chỉ có sự kiên cường, bền bỉ, bình tĩnh cân nhắc từng chút một ở từng khía cạnh của vấn đề thì sẽ tìm được cách giải quyết.

3.2 Giá trị chuyển tải kinh nghiệm

Những loài động vật xuất hiện trong thành ngữ, tục ngữ Hàn Quốc còn cho ta thấy được bức tranh của cả một quá trình sống, đúc kết kinh nghiệm từ một lối sinh hoạt văn hóa riêng biệt của cư dân trên bán đảo Triều Tiên.

Người Hàn quan niệm rằng: mỗi người là một cá thể có năng lực và phẩm tính không giống nhau, người thì nhanh nhẹn, người thì chậm chạp, người thì nóng nảy, người khác lại điềm tĩnh, người tiếp thu nhanh cũng có người tiếp thu

chậm... Tuy nhiên, thực tiễn cuộc sống chứng minh con người dù có khác biệt nhau nhưng việc người khác làm được thì mình cũng phải làm được. Cho nên tục ngữ Hàn có câu: “말 가는 데는 소도 간다” (Tạm dịch: Ngựa đi được thì bò cũng đi được). Dù là ngựa hay là bò thì cũng đều có thể kéo xe, chỉ là nhanh hay chậm thôi, nơi ngựa sống được thì bò cũng sống được. Vì vậy, vấn đề không phải ở chỗ bạn làm được hay không làm được mà là bạn có muốn làm và quyết tâm làm hay không.

Sự thành công trong công việc đòi hỏi phải có một kế hoạch tỉ mỉ, chuẩn xác. Các chi tiết trong đó phải phù hợp với nhau mới không làm cho sự vận hành bị gãy đứt hay trục trặc. Do đó, sự phù hợp luôn được ưu tiên tìm kiếm trước khi người Hàn muốn khởi sự một công việc hay khởi động một mặt sinh hoạt nào đó trong cuộc sống. Kinh nghiệm cuộc sống minh chứng rằng: muốn đi nhanh thì đi một mình, muốn đi lâu dài thì phải đi cùng với nhau. Vì thế, người Hàn có câu: “구멍 보아 가며 말뚝 짝는다” (Tạm dịch: Xem lỗ mà đẽ cọc). Bởi vì chỉ có sự phù hợp thì mọi việc mới hanh thông, không bị làm đi làm lại, vừa mất sức vừa mất thời gian. Sự phù hợp được bắt đầu bằng việc xem chi tiết nào trước, chi tiết nào sau, chi tiết nào (cái lỗ) quyết định chi tiết nào (cái cọc) chứ không phải xử lý một cách tùy tiện.

Một kinh nghiệm khác được người Hàn đúc kết được đó là: “호랑이 굴에 가야 호랑이 새끼를 잡는다” (Tạm dịch: Phải vào hang hổ mới bắt được hổ con). Bạn không thể nắm bắt được thực chất của vấn đề nếu như bạn không tự mình trải nghiệm nó. Nếu chỉ đứng bên ngoài quan sát thì bạn chỉ thấy được hiện tượng mà thôi. Cũng vậy, nghe người khác nói về một vấn đề không thể chính xác bằng việc bạn trực tiếp cận vấn đề ấy cũng giống như bạn nghe người khác nói về một món ăn thì bạn sẽ không cảm nhận được hết mọi hương vị của nó trừ khi bạn ăn món ăn đó. Câu tục ngữ này còn có thể diễn đạt một khía cạnh khác là giáo dục tính can đảm dám đối diện với hiểm nguy, tục ngữ Việt Nam cũng có một câu tương tự: “Vào hang bắt cọp”.

Một kinh nghiệm khác được người Hàn dùng hình ảnh con bò để chuyển tải, đó là: “소가 크다고 왕 노릇 할까?” (Tạm dịch: Cừ to như bò là làm tướng được sao?). Ý muốn nói không phải cứ cái gì to là có thể làm lãnh đạo được. Về bên ngoài to hay nhỏ, danh tiếng của một người dù nhiều hay ít không quyết định vị trí xã hội của một cá nhân mà điều quyết định phải là năng lực và trí não của họ. Người lãnh đạo không chỉ dựa vào cơ bắp mà phải dựa vào nhiều đức tính và khả năng khác nữa.

3.3 Giá trị phê phán, châm biếm

Người Hàn thích sự công bằng, coi trọng việc đánh giá thực chất công việc của từng cá nhân, ai làm gì thì cần thiết phải được hưởng thành quả tương xứng. Vì thế, họ phê phán những người không phân biệt được nỗ lực của người khác một cách chính xác. Giống như là: “고양이 덕과 며느리 덕은 알지 못한다” (Tạm dịch: Không biết đức của mèo và con dâu). Người không phân biệt được đâu là công

sức của “mèo” đâu là công sức của “con dâu”, mà một khi không phân biệt được rõ ràng thì cũng sẽ không ghi nhận và đánh giá chính xác công sức mà họ cống hiến. Người Việt cũng phê phán người không phân biệt rõ ràng, đúng sai khi nói: “Trông gà hóa cuốc”.

Người Việt có câu *như chó với mèo* thể hiện mối quan hệ rất xấu, sẽ có lúc tranh cãi, tìm cơ hội mưu hại lẫn nhau thì người Hàn cũng có câu: “개 고양이 보듯”(Tạm dịch: Như chó nhìn mèo) được sử dụng với nghĩa tương tự. Tuy nhiên, người Việt sử dụng câu này trong bối cảnh xóm giềng hay anh em không có sự chung sống hòa hợp với nhau. Còn người Hàn dùng câu này để phê phán ngay cả trong môi trường làm việc. Nếu như người Việt thường chọn người hợp tính và hợp nhãn để làm việc chung với mình thì người Hàn yêu cầu một cá nhân phải làm việc được với bất kỳ ai. Cho nên, nếu một người không có khả năng làm việc chung với người khác, để cảm tình trộn lẫn với công việc thì họ cũng sử dụng thành ngữ mang tính ẩn dụ trên.

Người Hàn Quốc cũng phê phán những người dửng dưng với người khác hay dửng dưng với công việc chung, thể hiện sự vô tâm, bất cần đối với mọi sự vật diễn ra xung quanh mình, họ thường nói: “소 닭 보듯”(Tạm dịch: Như thể bò nhìn gà).

Bên cạnh đó, người luôn tranh công người khác, hay không có ý định làm việc mà luôn muốn thụ hưởng thành quả của người khác cũng bị người Hàn coi thường. Họ diễn tả điều đó qua câu tục ngữ: “소 뒷걸음질 치다 쥐 잡다”(Tạm dịch: Đi sau chân bò rồi bắt chuột).

Trâu, bò thường là đại biểu cho sự chậm chạp, kém thông minh. Điều này cũng được thể hiện rõ nét trong những câu nói hằng ngày của người Việt như: “ngu như bò”, “chậm như bò”, “trâu chậm uống nước đục” hay đối với những người không chịu nghe hay tiếp thu ý kiến đúng đắn của người khác thì người Việt cũng thường ví như: “đàn gậy tai trâu”, người Hàn cũng dùng hình ảnh con bò để châm biếm những người chậm hiểu hay không chịu lắng nghe khuyên răn của người đi trước bằng câu thành ngữ: “소귀에 경 읽기”(Tạm dịch: Đọc kinh bên tai bò). Nghĩa bóng của câu tục ngữ này tương đương với câu “Đàn gậy tai trâu” trong tiếng Việt. Ý muốn nói khuyên nhủ (đọc kinh) chỉ có tác dụng với người hiểu biết nó, có ảnh hưởng với người hướng thiện có khát vọng tiến lên phía trước, còn với người không cầu tiến (bò) thì cũng vô dụng. Bò còn được dùng để châm biếm người bàng quan với mọi vật diễn ra xung quanh, lười phản ứng giống như: “누워서 뜨는 소”(Tạm dịch: Bò nằm nhắm mắt).

Ngựa cũng được dùng để phê phán một số hành vi phi văn hóa, đó là những hành vi đi ngược với những chuẩn mực xã hội. Chẳng hạn như, người Hàn phê phán người làm việc cầu thả, không xem xét tình huống thực tiễn, nói theo kiểu của người Việt là không biết “*Liệu cơm gắp mắm*” tham lam bằng câu tục ngữ: “갓난 말에 큰 길마 지운다”(Tạm dịch: Chặt bộ thò lớn lên ngựa non). Ý nói ngựa còn non không thể thò hàng nhưng vẫn bị chủ cố tình chắt nhiều

hàng lên cho nó kéo, hậu quả ngựa không đi được, có thể bị chết và hàng cũng chuyển không được, như thế sẽ mất nhiều hơn được.

Hình ảnh ngựa còn được người Hàn sử dụng để chỉ những người không có chính kiến khi làm việc (giống ngựa mù) và chỉ mơ hồ làm theo sự chỉ dẫn của người khác: “눈 먼 말 방울소리 따라간다”(Tạm dịch: Ngựa mù đi theo tiếng lục lạc). Ngựa mù còn được hiểu giống như người vô học, không kiến thức sẽ không tự mình làm được việc gì, tệ hơn là luôn làm theo sự sai khiến, mách nước của người khác. Gặp được người tốt thì còn đỡ, chẳng may gặp phải người xấu thì hậu quả rất khó lường. Đối với Hàn Quốc là một đất nước có truyền thống coi trọng học hành thì việc thất học là điều đáng chê trách.

Người Hàn còn phê phán thói lười nhác, dựa vào sức người khác làm việc để bản thân được sống nhàn hạ: “말꼬리의 파리가 천리 간다”(Tạm dịch: Ruồi bám đuôi ngựa đi ngàn dặm). Người Hàn xem sự hưởng thụ những cái không tự mình làm ra là một hành vi đáng ghê tởm được ví như “ruồi nhặng” thích ăn bám mà không chịu tự lực cánh sinh.

Người Hàn còn lên án những hành vi theo đuổi lợi ích mà bất chấp hiểm nguy và được ví như: “호랑이 코빼기에 붙은 것도 떼어 먹는다”(Tạm dịch: Giọt đồ ăn treo trước mũi hổ). Đó là hành vi ngu ngốc chỉ vì miếng ăn mà có nguy cơ mất mạng thật không đáng. Hành vi tham lam nhưng không biết lượng sức ấy còn bị người Hàn phê phán: “야윈 말이 짐 탐한다”(Tạm dịch: Ngựa gầy ham chở nặng). Đó là cũng là người tham công tiếc việc, dù không làm xuể vẫn tự ôm mọi để làm, vừa mệt mỏi vừa hiệu quả không cao.

Người Hàn cũng phê phán lòng tham vô đáy mà theo diễn tả của người Việt là “*được một tác lại lán một thước*” bằng câu: “말 타면 견마 잡히고 싶다”(Tạm dịch: Cưỡi được ngựa lại muốn bắt ngựa đua), không bao giờ bằng lòng với những gì mình có, hay đòi hỏi, đua đòi. Đối với người Hàn, lòng tham vô cùng đáng sợ nó có thể điều khiển người ta làm điều ác hay gây nguy hiểm cho người khác giống như: “남의 말에 안장 지운다”(Tạm dịch: Tháo yên ngựa của người khác), cưỡi ngựa mà không có yên là việc làm vô cùng nguy hiểm.

Người Hàn ghét nhất là sự bội tín. Các mối quan hệ xã luôn được xây dựng trên nền tảng của sự tin tưởng, có tin thì mới làm việc với nhau. Vì vậy, người Hàn cũng phê phán những người giả dối qua câu tục ngữ: “고양이 죽는 데 쥐 눈물만큼”(Tạm dịch: (Nhiều) như nước mắt chuột khóc khi mèo chết), điều này ám chỉ chuộc với mèo vốn dĩ không đội trời chung, nên dù chuột có dành cho cái chết của mèo nhiều nước mắt đến đâu cũng chỉ là những giọt nước mắt vô nghĩa. Người Việt cũng cùng một suy nghĩ như thế khi nói: “Mèo già khóc chuột”.

Lối sống giả tạo như thế luôn bị người Hàn dè chừng, bởi biết người, biết mặt nhưng không thể biết lòng: “범은

그러도 빠다귀 못 그린다” (Tạm dịch: Vẽ được hổ nhưng không vẽ được xương hổ). Sự dè chừng với người xung quanh luôn là điều cần thiết.

Đối với người Hàn, sự hấp tấp vội vàng là điều đáng chê trách, chẳng vậy họ thường châm biếm người nhân làm một công việc vượt quá năng lực mà lại không có phương tiện phù hợp giống như kiểu: “홍두깨로 소를 문다” (Tạm dịch: đuổi bò bằng chày). Vì vậy mà công việc cũng không thể hoàn tất, phải bị dang dở, nửa vời giống như: “고양이 세수하듯 한다” (Tạm dịch: Lem nhem như mèo rửa mặt).

4. KẾT LUẬN

Mỗi quốc gia đều có một hệ thống văn hóa dân gian vô cùng phong phú và Hàn Quốc cũng không ngoại lệ. Nhắc đến dòng văn hóa dân gian, người ta không thể bỏ qua thành ngữ và tục ngữ là kết tinh từ chiều dài lịch sử của một dân tộc.

Nếu như tục ngữ là những câu ngắn gọn nhưng có thể chuyển tải trọn vẹn một ý nghĩa, một nhận định hay một kinh nghiệm của cư dân về thiên nhiên, lao động sản xuất, con người hay xã hội thì thành ngữ lại khéo léo vận dụng những cụm từ cố định nhưng để hiểu được nó, không phải chỉ bằng phép cộng đơn giản nghĩa của từng từ trong tổ hợp đó mà phải bằng nghĩa của cả một tập hợp đó.

Người Hàn Quốc cũng đã có một kho tàng thành ngữ, tục ngữ vô giá này. Một phần trong đó, họ đã rất khéo léo đưa những hình ảnh con vật để chuyển tải những giá trị giáo dục về sự bình tĩnh, tinh táo khi đối diện với khó khăn, không chèn ép kẻ yếu, biết nhận diện từng tình huống thực tế để xử lý, sống tiết kiệm, không làm điều ác, biết khôn ngoan và nhẫn nại trong mọi hoàn cảnh. Bên cạnh đó, người Hàn

Quốc còn mượn hình ảnh con vật để truyền thừa một số kinh nghiệm khi làm việc. Đó là muốn thành công thì làm việc phải có kế hoạch rõ ràng, có ý chí, có quyết đoán và phải dùng đầu óc để làm việc và cơ bắp không thì không đủ. Hình ảnh những con vật trong tục ngữ, thành ngữ Hàn Quốc còn mang tính phê phán. Họ phê phán châm biếm những bất công trong cuộc sống, không phân biệt nỗ lực cá nhân mà xử lý theo kiểu cào bằng. Họ phê phán những người không có khả năng hợp tác với người khác, dửng dưng với công việc chung, làm việc cầu thả, thích tranh công người khác, không tiếp thu ý kiến góp ý, không chính kiến, lười nhác lại tham lam, hấp tấp vội vàng, làm việc không đến nơi đến chốn.

Tóm lại, thành ngữ và tục ngữ dù được góC độ nào cũng là những bài học vô giá mà tiền nhân để lại cho hậu thế chúng ta. Vì thế, chúng ta cần phải biết ơn về điều đó và nghiêm túc học tập, ghi nhớ.

5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (cb) (2022), *Ngữ Văn lớp 7 tập 2*, NXB. Giáo dục Việt Nam, tr. 27-28
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Ngữ Văn lớp 7 tập 1*, NXB. Giáo dục Việt Nam, tr. 144
- [3] Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch (2009), *Hàn Quốc, Đất nước, Con người*, NXB. Thế giới, tr. 14
- [4] <https://www.korean.go.kr>
- [5] Bùi Hoài Sơn (10/08/2022), *Giá trị văn hóa Việt Nam nhìn từ các chiều cạnh giá trị quốc gia, vùng, miền, tộc người*, <http://tapchicongsan.org>, tr.1